

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/2007/TT-BTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2007

**THÔNG TƯ**

**sửa đổi, bổ sung Thông tư số 88/2002/TT-BTC ngày 02/10/2002  
của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý  
sử dụng phí cấp mã số mã vạch**

*Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;*

*Căn cứ Quyết định số 45/2002/QĐ-TTg ngày 27/3/2002 của Thủ tướng chính phủ về quy định nội dung quản lý nhà nước về mã số mã vạch;*

*Sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 88/2002/TT-BTC ngày 01/10/2002 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và*

*quản lý sử dụng phí cấp mã số mã vạch, như sau:*

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, Mục I như sau:

“1. Các doanh nghiệp, tổ chức của Việt Nam và nước ngoài khi được cơ quan quản lý nhà nước về mã số mã vạch hoặc cơ quan được ủy quyền thực hiện việc cấp giấy phép sử dụng mã số mã vạch, hướng dẫn sử dụng và duy trì sử dụng mã số mã vạch; hoặc đăng ký sử dụng mã số mã vạch nước ngoài tại Việt Nam, phải nộp phí cấp mã số mã vạch theo quy định tại Thông tư này.

2. Mức thu phí cấp mã số mã vạch được quy định cụ thể như sau:

Đơn vị: Đồng

STT	Phân loại	Phí đăng ký cấp và hướng dẫn sử dụng	Phí duy trì
1	Sử dụng mã doanh nghiệp		
a	Sử dụng mã doanh nghiệp 7, 8 chữ số	1.000.000	1.000.000

STT	Phân loại	Phí đăng ký cấp và hướng dẫn sử dụng	Phí duy trì
b	Sử dụng mã doanh nghiệp 9, 10 chữ số	1.000.000	500.000
2	Sử dụng mã GLN (một mã số)	300.000	200.000
3	Sử dụng mã EAN-8 (một mã số)	300.000	200.000
4	Đăng ký sử dụng mã nước ngoài	500.000	

Trường hợp doanh nghiệp đăng ký sử dụng mã số mã vạch sau ngày 30/6 thì mức phí duy trì nộp trong năm đăng ký bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức phí duy trì tương ứng với từng loại mã số mã vạch theo quy định nêu trên.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm g, khoản 4, Mục II như sau:

“g) Chi nộp phí cho các Tổ chức Mã số mã vạch Quốc tế theo quy định; chi cho việc triển khai áp dụng những quy định của tổ chức mã số mã vạch quốc tế (GS1); chi cho các hoạt động quản lý và giám sát sử dụng mã số mã vạch;”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 7, Mục II như sau:

“a) Cơ quan thu phí có trách nhiệm mở sổ kế toán để ghi chép, hạch toán và quyết toán số thu, chi theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành

chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; thực hiện quyết toán chứng từ thu, số tiền phí đã thu, nộp ngân sách; nộp báo cáo quyết toán năm về số thu, nộp phí cấp mã số mã vạch cho cơ quan Thuế trước ngày kết thúc tháng 02 năm tiếp sau báo cáo và phải nộp đủ số tiền phí còn thiếu vào ngân sách nhà nước trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp báo cáo.”

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Trương Chí Trung